TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2017/DS-PT
Ngày: 17 - 7 - 2017
V/v tranh chấp "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ba

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Đặng Quốc Khởi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Kim Đoạn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2016/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp "Đòi lại tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2016/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2017/QĐPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Ấp P1, xã P2, huyện T, tỉnh C; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Võ Thị T: Bà Vũ Thị Mỹ N, sinh năm 1954; Địa chỉ: số 24B, đường P3, khóm 2, phường 5, thành phố C, tỉnh C (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 11 năm 2015); có mặt.

2. Bà Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 45, đường 1/5, khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh C; có mặt.

3. Bà Vũ Thị Mỹ N, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 24B, đường P3, khóm 2, phường 5, thành phố C, tỉnh C; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 553, đường L, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh C; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông NLQ1, sinh năm 1976; vắng mặt.

2. Bà NLQ2, sinh năm 1985; vắng mặt.

3. Bà NLQ3, sinh năm 1948; có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 553A, đường L, khóm 4, phường 6, thành phố C.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ông NLQ1, Bà NLQ2: Bà NLQ3, sinh năm 1948 (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền ngày 09, 10 tháng 11 năm 2015)

4. Ông NLQ4, sinh năm 1950;

Địa chỉ: số 24B, đường P3, khóm 2, phường 5, thành phố C, tỉnh C; có mặt.

5. Ông NLQ5, sinh năm 1987; có mặt.

6. Bà NLQ6, sinh năm 1997; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 553, đường L, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo uỷ quyền của Ông NLQ5, Bà NLQ6: Bà Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1964 (được ủy quyền theo các văn bản ủy quyền ngày: 31/10/2015, 16/3/2016); có mặt.

7. Uỷ ban nhân dân thành phố C, tỉnh C

Địa chỉ: Khóm 1, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông NLQ7, chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố C, tỉnh C (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2017); vắng mặt và ngày 22/6/2017 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Thị Hồng Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông NLQ5.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2015 và biên bản hoà giải ngày 05/11/2015 của Toà án và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn Bà Vũ Thị Mỹ N trình bày:

Cha bà là ông Võ Văn M chết năm 1992 và mẹ bà là bà Nguyễn Thị U chết ngày 06/01/2014 (dl). Cha mẹ bà có năm người con gồm: Võ Văn T1, Võ Thị T, Vũ Thị Mỹ N, Vũ Thị Thanh H, Vũ Anh T2 (Võ Trung T2). Khi cha mẹ bà còn sống có một phần đất diện tích 1.680m^2, tọa lạc tại số 553, L, khóm 4, phường 6, thành phố C. Trên đất có căn nhà, sau khi cha bà chết thì mẹ bà chia phần đất này cho ông T1 301m^2, bà T 216m^2, bà N 216m^2, bà H 216m^2, ông T2 (chồng bà Đ) 300m^2, phần còn lại là căn nhà, đường vào nhà, đường ra mộ, sân với tổng diện tích là 223,9m^2 do mẹ bà quản lý và làm di sản thờ cúng. Phần đất bà và ông T2 được cho, bà và ông T2 chưa tách quyền sử dụng đất mà vẫn do bà U đứng tên trong diện tích là 663,lm^2. Như vậy, sau khi cho đất các con thì bà U còn lại phần đất và nhà với diện tích 223,9m^2 bà U dành làm di sản thờ cúng cụ thể như sau: Nhà có diện tích 83,52m^2 (ngang 5,76m x dài 14,5m); Sân có diện tích 26,84m^2 (ngang 4,4m, dài 6,1m); Đường đi phía trước từ mốc lộ giới đến nhà có diện tích 24,9 m^2 (ngang l,5m x dài 5,8m); Đường đi ngang qua sân nhà diện tích 8,7m^2 (ngang l,5m, dài 5,8m), đường đi cập nhà đến mộ có diện tích 79,94m^2 (ngang l,4m, dài 57,1m). Khi còn sống cha mẹ bà ở chung với người con út tên Vũ Anh T2 trong căn nhà để lại thờ cúng, nhưng mẹ bà có ngăn ngôi nhà ra thành 01 căn riêng để mẹ bà ở một mình và bà tự chăm sóc bản thân, đến khi mẹ bà bệnh thì chị em bà thuê người và thay phiên nhau chăm sóc đến tháng 01 năm 2014 mẹ bà qua đời. Sau khi mẹ bà qua đời thì căn nhà để lại cho ông Vũ Anh T2 quản lý, tháng 02/2014 ông T2 qua đời, vợ ông là Bà Lê Thị Hồng Đ từ Sài Gòn dọn về ở và quản lý nhà đất cho đến nay. Vì đây là phần đất để thờ cúng nên nay bà yêu cầu bà Đ phải trả lại phần đất, nhà, sân, đường đi với tổng diện tích là 239,9m^2. Phần đất này không bao gồm phần đất diện tích 300m^2 mẹ bà cho ông T2. Đồng thời bà N yêu cầu được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất mẹ bà đã cho bà nhưng bà chưa được đứng tên quyền sử dụng đất mà hiện nay vẫn do bà U đứng tên. Riêng phần đất và nhà là di sản thờ cúng bà yêu cầu được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý để thờ cúng.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2015 và biên bản hoà giải ngày 05/11/2015 của Toà án và tại phiên toà nguyên đơn Bà Vũ Thị Thanh H trình bày:

Phần đất của bà 216m^2 được cha mẹ cho cùng lúc với bà N, việc cho và nhận đất giống như bà N, bà đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thuộc phần đất 633,4m^2 do mẹ bà đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu bà Đ trả lại phần đất, nhà, sân, đường đi với tổng diện tích là 239,9m^2 để làm di sản thờ cúng và yêu cầu được đứng tên quyền sử dụng đất.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2015 và biên bản hoà giải ngày 05/11/2015 của Toà án và tại phiên toà nguyên đơn Bà Võ Thị T ủy quyền cho Bà Vũ Thị Mỹ N trình bày:

Phần đất của bà T cũng được cha mẹ cho năm 2002 với diện tích 216m^2 và đã tách quyền sử dụng đất, không thuộc phần đất 633,1m^2 do mẹ bà đang đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu bà Đ trả lại phần đất, nhà, sân, đường đi với tổng diện tích là 239,9m^2 cho chị em bà quản lý để thờ cúng cha mẹ và yêu cầu được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các nguyên đơn trình bày trước đây quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình bà U là 663,lm^2 nhưng sau đó ông T2 đã làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất từ hộ gia đình sang cho cá nhân bà U, các nguyên đơn không hay. Hiện nay quyền sử dụng đất đứng tên bà U với diện tích 633,4m^2.

Tại phiên toà sơ thẩm các nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, các nguyên đơn yêu cầu bà Đ phải trả lại nhà và đất tranh chấp theo diện tích đất và nhà được đo đạc thực tế là 188,6m^2 (diện tích nhỏ hơn so với đơn khởi kiện ban đầu).

Bị đơn Bà Lê Thị Hồng Đ trình bày:

Cha mẹ chồng bà là ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị U (đã chết), có phần đất diện tích 1.680m^2, nguồn gốc đất là do cha mẹ chồng bà sang lại của ông Bình và bà Bế (không rõ họ) vào năm 1983, toàn bộ đất này do cha mẹ chồng quản lý. Đến năm 1986 bà về làm dâu trong gia đình chồng, năm 1991 khi cha chồng bà còn sống có nói miệng là cho ông T1 100m^2 đất, còn tất cả diện tích đất còn lại 1.580m^2 để cho chồng bà là ông T2. Đến năm 1993 cha chồng bà qua đời, mẹ chồng chia phần đất 1.580m^2 lần hai cho năm người con gồm bà T 216m^2, bà N 216m^2, bà H 216m^2, và cho thêm ông T1 201m^2 để ông T1 có diện tích 301m^2, phần đất ông T1 được cho do ông T1 và bà NLQ3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, như vậy phần đất của bà U có là 1.680m^2 nhưng đã cho bà N, bà T, bà H, ông T1 tổng diện tích là l.0l6m^2, phần còn lại 664m^2 là của ông T2. Thời điểm này hộ gia đình bà U gồm ông T2, bà Đ và hai con của ông T2 bà Đ là NLQ5 và NLQ6. Phần đất của bà H được cho 216m^2 bà H đã bán cho Lê Thị Mỹ H1 với giá 80.000.000 đồng. Phần đất bà T được cho 216m^2 bà T đã cho con là Lê Trường G, cả hai phần đất này đều do bà H1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng phần đất của bà N được cho 216m^2 thì bà N chưa đứng tên quyền sử dụng đất mà vẫn còn chung trong diện tích 663,1m^2 đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị U. Sau đó các nguyên đơn đã làm thủ tục chuyển sang tên cá nhân bà Nguyễn Thị U lúc nào bà không hay nhưng quyền sử dụng đất được cấp cho bà U năm 2013 là do bà N đang quản lý. Bà sống với ông T2 và bà U đến cuối năm 2008 bà lên Sài Gòn để làm việc, vẫn tới lui nhà chồng. Sau khi chồng bà qua đời, tháng 6/2014 bà xin nghỉ việc để về quản lý nhà và đưa bàn thờ chồng về để thờ cúng cho đến nay. Bà Đ xác định không có giấy tờ chứng minh việc bà U cho nhà và đất ông T2 nhưng do ông T2 là con trai sống chung với bà U nên ông T2 được hưởng nhà

và đất của bà U để lại khi bà U qua đời. Hiện nay ông T2 đã qua đời, bà và ông T2 có hai người con là NLQ5 và NLQ6 nhưng do NLQ5 và NLQ6 đang ở nước ngoài nên uỷ quyền cho bà yêu cầu giao phần nhà và đất tranh chấp hiện nay cho bà quản lý và thờ cúng.

Bà NLQ3 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về diện tích đất vợ chồng bà được bà U cho, hiện nay vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 301m^2 nhưng diện tích đất thực tế bà đang quản lý có chênh lệch do có 01 cái mương và 01 căn nhà chưa được cấp quyền sử dụng đất. Nay bà không yêu cầu chia căn nhà đang tranh chấp, yêu cầu để lại căn nhà và đất đang tranh chấp làm di sản để thờ cúng cha mẹ. Hiện nay ông T1 là chồng bà đã qua đời, vợ chồng bà có 02 con là NLQ1 và NLQ2, bà là người đại diện theo uỷ quyền của Sơn và NLQ2 thống nhất yêu cầu giao phần đất và nhà thờ cúng cho bà T, bà N và bà H quản lý và thờ cúng và đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông NLQ4 thống nhất như lời trình bày của Bà Vũ Thị Mỹ N, ông yêu cầu Toà án công nhận phần đất bà N được cho với diện tích 216m^2 cho bà N đứng tên quyền sử dụng đất vì phần đất này hiện nay vẫn thuộc giấy chứng nhận của bà U.

Ông NLQ8, là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C đã uỷ quyền cho Ông NLQ7, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2016/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 37, 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 256, 670 Bộ luật dân sự 2005.

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi lại tài sản của các nguyên đơn là Bà Võ Thị T, Vũ Thị Mỹ N, Vũ Thị Thanh H.

Buộc Bà Lê Thị Hồng Đ và NLQ5, NLQ6 phải giao trả cho Bà Võ Thị T, Vũ Thị Mỹ N, Vũ Thị Thanh H phần đất bao gồm sân, nhà, lối đi đến sân, nhà và sân nhà mồ với tổng diện tích 188,15m^2 toạ lạc tại số 553, đường L, khóm 4, phường 6, thành phố C để làm di sản thờ cúng.

Cụ thể vị trí diện tích như sau:

Diện tích sân có chiều ngang giáp lối đi là 5,77m, ngang giáp nhà là 5,73m, chiều dài 2,95m, diện tích 16,96 m^2 .

Một căn nhà và đất có chiều ngang giáp sân là 5,73m, chiều ngang giáp phần đất bà Đ quản lý là 5,70m, dài 13,70m, diện tích 78,29m^2

Diện tích lối đi là đường xi măng vào sân, nhà và đường xi măng vào đến sân nhà mồ có chiều ngang M_{11}, M_{12} là l,39m, chiều dài từ M_{12} đến M_{17} đến M_{18} đến sân nhà mồ là 78,73m, diện tích là 92,9m^2.

Công nhận cho Bà Vũ Thị Mỹ N phần đất với diện tích 212,7m^2 thửa số 3 toạ lạc tại số 553, đường L, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh C.

Vị trí và diện tích đất được xác định như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của bà Nguyễn Thị U cho Bà Võ Thị T và Bà Vũ Thị Thanh H có cạnh M_3M_9 dài 54,19m;

- Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp và phần đất Bà Lê Thị Hồng Đ đang quản lý sử dụng có cạnh M_2M_{10} dài 54,26m;

- Hướng Nam giáp phần đất của bà Lưu Thị Mỹ L1 có cạnh M_9M_{10} dài 3,82m;

- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn D có cạnh M_2M_3 dài 4,03m.

(Kèm theo bản trích đo hiện trạng ngày 01/12/2015 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh C lập).

Huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ746804 ngày 19/11/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Nguyễn Thị U. Bà Võ Thị T, Bà Vũ Thị Mỹ N và Bà Vũ Thị Thanh H có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nhưng không có quyền định đoạt phần di sản thờ cúng khi chưa được sự đồng ý của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà U.

Ngoài ra, bản án còn quyết định chi phí đo đạc, chi phí định giá, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Trong các ngày 28/10/2016, 08/11/2016 bị đơn Bà Lê Thị Hồng Đ, Ông NLQ5 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn bà Lê Thị Hồng Đ đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông NLQ5 đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông NLQ5, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu Bà Lê Thị Hồng Đ trả lại căn nhà và diện tích 188,15m^2 đất tọa lạc tại số 553, L, khóm 4, phường 6, thành phố C cho các nguyên đơn quản lý, thờ tự và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các nguyên đơn Bà Võ Thị T, Vũ Thị Thanh H, Vũ Thị Mỹ N do Bà Vũ Thị Mỹ N đại diện khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Bà Lê Thị Hồng Đ giao lại cho các nguyên đơn phần đất gồm có nhà, sân và lối đi vào mộ là di sản thờ cúng do bà Nguyễn Thị U đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại số 553 đường L, khóm 4, phường 6, thành phố C.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn Bà Lê Thị Hồng Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông NLQ5, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Bà Nguyễn Thị U (chết năm 2014) và ông Võ Văn M (chết năm 1992) có 5 người con gồm Bà Võ Thị T, Bà Vũ Thị Thanh H, Bà Vũ Thị Mỹ N, ông Võ Văn T1, ông Võ Anh T2 (ông T2 là chồng bà Đ) và một phần đất diện tích 1.680m^2 tọa lạc tại số 553 đường L, khóm 4, phường 6, thành phố C, ông M qua đời không để lại di chúc.

[4] Ngày 02/6/2002 bà U đã họp gia đình chia đất cho các con, trong đó bà T, bà N, bà H mỗi người được chia 216m^2, ông T1 được chia 301m^2, ông T2 được cho 300m^2. Phần đất còn lại gồm nhà, sân, lối đi vào nhà và nhà mộ của ông Mịnh bà U dùng làm di sản thờ cúng.

[5] Sau khi được cho đất bà H, bà T, ông T1 đã nhận và quản lý đất cho đến nay, riêng ông T2 vẫn ở chung nhà với bà U, bà Đ và 2 con của ông T2 bà Đ. Ngày 31/5/2004 bà U có tổ chức cuộc họp gia đình gồm bà U và các con của bà U, chỉ vắng mặt ông T2. Tại cuộc họp này tất cả thống nhất giao phần đất còn lại của bà U dành làm di sản thờ cúng và cho bà U thừa hưởng, đứng tên quyền sử dụng đất. Bà U kê khai đăng ký và được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà U vào ngày 10/01/2005 với diện tích 633,1m^2 tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 25. Đến ngày 25/10/2013 bà U xin cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến ngày 19/11/2013 bà U được UBND thành phố C cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 633,4m^2 tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 37 cho cá nhân bà U đứng tên. Việc cấp

đổi này được UBND thành phố C xác nhận là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

[6] Bà Lê Thị Hồng Đ thừa nhận phần đất bà U đã chia cho các con cũng như diện tích đất, riêng bà N đã nhận đất nhưng chưa làm chủ quyền, phần đất còn lại 471m^2 (theo đo đạc thực tế nhà và đất) trong đó có 300m^2 của ông T2, bà Đ cho rằng các con của bà U tuyên bố cho vợ chồng bà và 2 con của bà, nhưng không được sang bán mà để ở và thờ cúng cha mẹ nhưng không có chứng cứ xác thực, ngoài đoạn ghi âm như bà Đ đã nêu.

[7] Bà Đ còn cho rằng diện tích 300m^2 của ông T2, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định được vị trí ở đâu? Hội đồng xét xử xét thấy tại quyết định của bản án sơ thẩm có xác định cụ thể vị trí diện tích đất, nhà, đường đi, sân nhà mồ và có các tứ cận, do đó việc thi hành án vẫn đảm bảo quyền lợi của bà Đ.

[8] Từ các chứng cứ, phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Bà Lê Thị Hồng Đ và của Ông NLQ5 và cũng không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, bởi tranh chấp Tòa sơ thẩm giải quyết là tranh chấp đòi tài sản chứ không phải chia di sản thừa kế, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Lê Thị Hồng Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông NLQ5; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 37, 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 256, 670 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đòi lại tài sản của các nguyên đơn Bà Võ Thị T, Bà Vũ Thị Mỹ N, Bà Vũ Thị Thanh H.

Buộc Bà Lê Thị Hồng Đ, Ông NLQ5, Bà NLQ6 phải giao trả cho Bà Võ Thị T, Bà Vũ Thị Mỹ N, Bà Vũ Thị Thanh H phần đất bao gồm sân, nhà, lối đi đến sân, nhà và sân nhà mồ với tổng diện tích 188,15m^2 tọa lạc tại số 553 đường L, khóm 4, phường 6, thành phố C để làm di sản thờ cúng.

Cụ thể vị trí diện tích như sau:

Diện tích sân có chiều ngang giáp lối đi là 5,77m, ngang giáp nhà là 5,73m, chiều dài 2,95m, diện tích 16,96m^2.

Một căn nhà và đất có chiều ngang giáp sân là 5,73m, chiều ngang giáp phần đất bà Đ quản lý là 5,70m, dài 13,70m, diện tích 78,29m^2.

Diện tích lối đi là đường xi măng vào sân, nhà và đường xi măng vào đến sân nhà mồ có chiều ngang M_{11}, M_{12} là 1,39m, chiều dài từ M_{12} đến M_{17} đến M_{18} đến sân nhà mồ là 78,73m có diện tích 92,9m^2.

Công nhận cho Bà Vũ Thị Mỹ N phần đất với diện tích 212,7m^2 thửa số 3, tọa lạc tại số 553 đường L, khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh C.

Vị trí và diện tích đất được xác định như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của bà Nguyễn Thị U cho Bà Võ Thị T và Bà Vũ Thị Thanh H có cạnh M_3M_9 dài 54,19m

- Hướng Tây giáp phần đất tranh chấp và phần đất Bà Lê Thị Hồng Đ đang quản lý sử dụng có cạnh M_2M_{10} dài 54,26m

- Hướng Nam giáp phần đất của bà Lưu Thị Mỹ L1 có cạnh M_9M_{10} dài 3,82m.

- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn D có cạnh M_2M_3 dài 4,03m

(Bản trích đo hiện trạng ngày 01/12/2015 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh C lập được kèm theo bản án sơ thẩm).

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ746804 ngày 19/11/2013 do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp cho bà Nguyễn Thị U. Bà Võ Thị T, Bà Vũ Thị Mỹ N và Bà Vũ Thị Thanh H có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nhưng không có quyền định đoạt phần di sản thờ cúng khi chưa được sự đồng ý của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà U.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Hồng Đ và Ông NLQ5 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng Bà Lê Thị Hồng Đ, Ông NLQ5 đã nộp tại biên lai thu tiền số 000962 ngày 08/11/2016 và số 000959 ngày 31/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh C.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Cà Mau (1);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cục THADS tỉnh Cà Mau (1);
- NĐ (3);
- BĐ (1);
- NLQ (7);
- Lưu (5), 21b, TNB.

Nguyễn Hữu Ba